

Name:

Class: S7

Ngày GV giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ, ngày/.....

Vocabulary & Grammar:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 9 – THE DIGITAL WORLD – VOCABULARY 2 & FCE LISTENING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

- Digital technology (Công nghệ kỹ thuật số)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	physical coordination (n phr.)	khả năng phối hợp vận động	3	device curfew (n phr.)	thời gian giới hạn sử dụng thiết bị
2	screen-free zone (n phr.)	khu vực không dùng thiết bị điện tử	4	problem-solving skill (n phr.)	kỹ năng giải quyết vấn đề

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	efficiently (adv)	một cách hiệu quả	4	make out of (phr.v)	làm từ (chất liệu nào đó)
2	sustainably (adv)	một cách bền vững	5	assert (v)	khẳng định, quả quyết
3	all sth put together (phr.)	tổng hợp lại tất cả			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	interior (n)	nội thất	5	complicated (adj)	phức tạp
2	hidden amongst (phr.)	ẩn giữa	6	achievement (n)	thành tựu
3	profession (n)	nghề nghiệp	7	architecture (n)	kiến trúc
4	worth every penny (idiom)	đáng giá từng xu, rất xứng đáng với số tiền bỏ ra			

***Note:** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; v = verb: động từ; phr. = phrase: cụm từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ; adv = adverb: trạng từ; idiom = thành ngữ; sth = something: cái gì đó

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Write the correct words/phrases based on the definitions and the clues given.

0. <u>humanoid</u>	<i>looking or acting like a human, often used for robots</i>
1. s_____	in a way that does not cause harm to the environment or use up natural resources for long-term balance
2. m_____ o_____ o_____	to create or produce something using specific materials
3. a_____	to state or express something confidently and forcefully, often to defend an opinion or position
4. p_____ c_____	the ability to move different parts of the body smoothly and efficiently
5. d_____ c_____	a set time when electronic devices must be turned off, often used to promote better sleep and reduce screen time

II. Fill in the blanks with the correct words from the box. Some words may not be used.

curfew **screen-free** **problem-solving** **physical** **device** **efficiently** **assert** **together**

The Impact of Digital Technology on Learning

In modern education, digital tools are transforming the way students learn. Many schools have created a(n) (0) screen-free zone in certain areas to encourage students to focus on discussions rather than devices. However, some experts argue that setting a strict (1) _____ curfew at night can improve sleep quality and concentration in class.

Teachers have also noticed that using educational apps can help students develop important skills, including (2) _____ skills, which allow them to analyze and find solutions independently. Additionally, games that require (3) _____ coordination, such as interactive exercises, can make learning more engaging and effective.

Despite these benefits, some educators believe that not all digital tools put (4) _____ can replace traditional learning methods. They argue that while technology can be used (5) _____, it should be balanced with hands-on activities to ensure students develop a wide range of abilities.

III. Change the following sentences into direct speech.

0. *She said she had finished her homework.*

→ **I have finished my homework.** ”, she said.

1. Tom told me that he would call me the next day.

→ “ _____ ”, Tom said.

2. The teacher asked me if I had studied for that test.

→ “ _____ ”, the teacher asked.

3. They wanted to know where I had lived when I had been a child.

→ “ _____ ”, they asked me.

4. My mom told me not to stay up too late that night.

→ “ _____ ”, my mom said.

5. The doctor told me to take the medicine twice a day.

→ “ _____ ”, the doctor said.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-pet-test-7-part-3>

PART 3 Questions 14-19

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one or two words or a number or a date or a time**.

You will hear a student giving a review of his visit to Chiswick House and Gardens to his class.

Chiswick House and Gardens Review

Chiswick Park is in: (14) _____

Chiswick House contains: _____ paintings and (15) _____

Individual ticket for House tour costs: (16) £ _____

Things to buy in flower shop: (17) _____ and souvenirs

Group ticket cost for garden tour: (18) £ _____

Starting date of Music Week: (19) _____

PART 4 Questions 20-25

For each question, choose the correct answer.

You will hear an interview with a young teacher called Carol.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-pet-test-6-part-4>

20. Who inspired Carol to become a teacher?

- A. her parents
- B. her drama teacher
- C. her classmates

21. What is the most important thing about being a teacher, according to Carol?

- A. show how much they know about their subject
- B. be more intelligent than their students
- C. communicate well with their students

22. What does Carol have her students do if they aren't working well?

- A. extra homework
- B. a written test
- C. physical exercise

23. How does Carol feel about her career as a teacher?

- A. proud
- B. anxious
- C. disappointed

24. Carol's parents

- A. are disappointed with what she has achieved so far.
- B. are very satisfied with her career progress.
- C. feel sorry they didn't let her become an actor.

25. What does Carol want to do in the future?

- A. be a headteacher
- B. continue to teach
- C. do some acting